

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Xuân T (Tèo), sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh BT.

- Bị đơn: Đặng Thị Mỹ L, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/9/2017, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T (Tèo) trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Mỹ L chung sống với nhau năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thường xảy ra mâu thuẫn và hiện nay chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh và chị L ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống anh với chị Lợi có với nhau 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày: 25/8/1993 đã trưởng thành và Nguyễn Xuân V, sinh ngày: 15/02/2000. Con chung Nguyễn Xuân V hiện nay anh đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Đặng Thị Mỹ L.
- Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân V, sinh ngày: 15/02/2000. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.
- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/01/2018, anh T yêu cầu xét xử vắng mặt anh.

*Tại bản tự khai đề ngày 30/01/2017, biên bản hòa giải ngày 10/01/2018 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn chị Đặng Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, thường xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh T ly thân từ năm 2016 đến nay không có hàn gắn lại tình cảm. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị, chị đồng ý. Quá trình chung sống chị với anh T có với nhau 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày: 25/8/1993 và Nguyễn Xuân V, sinh ngày: 15/02/2000 hiện nay đều đã trưởng

thành. Tài sản chung: Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay chị L khai tài sản chung có 01 ngôi nhà tường, lợp tol phirôximăng, nền lát gạch tàu của ông bà bên chồng chết để lại. Tài sản chung là ngôi nhà chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Xuân T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 10/01/2018. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Xuân T (Tèo) và chị Đặng Thị Mỹ L khai thống nhất anh chị chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Lời khai này phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn BĐ và Ủy ban nhân dân xã BT ngày 26/7/2017 (Bút lục số 08, 09). Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh T và chị L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 (Sau năm 1987) mà không có đăng ký kết hôn. Anh T và chị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật lẽ ra anh chị phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không thực hiện. Cho nên, căn cứ vào Điều 53, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa anh T và chị L là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị L.

[3] Về con chung:

Anh Nguyễn Xuân T và chị Đặng Thị Mỹ L đều khai thống nhất, anh chị chung sống có với nhau 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày: 25/8/1993 và Nguyễn Xuân V, sinh ngày: 15/02/2000. Cả 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Xuân V hiện nay đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay chị L khai vợ chồng chị có tài sản chung là 01 ngôi nhà tường, lợp tol phirôximăng, nền lát gạch tàu của ông bà bên chồng chết để lại. Tài sản chung này chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Nợ chung: Anh T và chị L khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Xuân T (Tèo) và chị Đặng Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét đến.

3. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Nợ chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Đặng Thị Mỹ L khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006144 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Xuân T (Tèo) vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....-

Nguyễn Hồng Phương